

NGHIÊN CỨU KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, HÀNH VI PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA TIẾNG ỒN VÀ ĐIỆC NGHỀ NGHIỆP Ở CÔNG NHÂN MỘT SỐ NHÀ MÁY, XÍ NGHIỆP CÓ TIẾNG ỒN CAO (> 85 DBA) TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG XUÂN HÙNG
Bệnh viện cấp cứu Trung Vương

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Bệnh điếc nghề nghiệp gây tổn thương không hồi phục ở tai trong, bệnh có xu hướng gia tăng không chỉ do tình trạng ô nhiễm tiếng ồn ngày càng tăng lên mà còn liên quan đến kiến thức, thái độ và hành vi về phòng chống ô nhiễm tiếng ồn và điếc nghề nghiệp ở người lao động làm việc ở trong một số nhà máy xí nghiệp có tiếng ồn cao.

Mục tiêu: Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi về phòng chống ô nhiễm tiếng ồn và điếc nghề nghiệp ở người lao động làm việc ở trong một số nhà máy, xí nghiệp có môi trường tiếng ồn vượt mức cho phép tại Tp. HCM.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Mẫu nghiên cứu 2130 người. Tất cả được yêu cầu điền bảng câu hỏi soạn sẵn gồm những thông tin về điếc nghề nghiệp và phòng chống.

Kết quả: Tỷ lệ người lao động được học về vệ sinh lao động 3,61%. Số người được trang bị bảo hộ phòng chống tiếng ồn và điếc nghề nghiệp 23,88%. Tỷ lệ sử dụng trang bị bảo hộ thường xuyên là 23,97%, thỉnh thoảng 13,47%. Không hài lòng với môi trường làm việc 88,61%. Tiếng ồn vượt mức có tỷ lệ cao 95,63%.

Kết luận: Do chưa nhận thức được đầy đủ tác hại của tiếng ồn, vì vậy việc phòng chống điếc nghề nghiệp chưa thật sự quan tâm đúng mức.

SUMMARY

STUDY OF KNOWLEDGE, ATTITUDE AND PRACTICE ON NOISE INDUCED HEARING LOSS PREVENTION OF FACTORIES WORKERS IN HO CHI MINH CITY

Background: Although Noise-Induced Hearing Loss (NIHL) have permanent trauma, they are still increasing gradually.

Objectives: To assess knowledge, attitude and practice on NIHL prevention of workers in Ho Chi Minh City.

Methods: Cross-sectional study 2130 with a self completed structured questionnaire was done.

Results: Workers rarely learned labor safe 3,61%, provided equipments of NIHL prevention 23,88%, Workers usually use protection equipments 23,97%, be uncomfortable in environmental working 88,61%, they want changing environmental working 80,63%.

Conclusions: The findings of the study showed that knowledge, attitudes and practice on NIHL is low. It is necessary to guide the workers that the important of NIHL prevention.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, ngày càng có nhiều nhà máy xí nghiệp sản xuất ra đời, mức sống của người dân được cải thiện nhiều, bên cạnh đó tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng cao, đặc biệt là ô nhiễm tiếng ồn, đưa đến bệnh điếc nghề nghiệp (ĐNN), bệnh này luôn đứng đầu về tỷ lệ bệnh nghề nghiệp.

Số người lao động làm việc trong các ngành nghề, cơ sở sản xuất có cường độ tiếng ồn cao ngày càng gia tăng, chiếm tỷ lệ lớn, khoảng 1/4 đến 1/3 trong tổng số người lao động.

ĐNN gây nên tổn thương không hồi phục ở cơ quan nghe làm suy giảm đến mất sức nghe. Việc điều trị cho đến nay vẫn chưa có biện pháp hữu hiệu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sinh hoạt của người lao động.

Từ năm 1976 ở nước ta, theo thông tư liên bộ 08/TTLB, ĐNN được công nhân là 1 trong 8 bệnh nghề nghiệp đầu tiên (hiện nay là 25 bệnh nghề nghiệp được công nhận). Do vậy nhiệm vụ đề ra cho ngành tai thính học là hết sức nặng nề, cần phải phát hiện, chẩn đoán và giám định cho hàng vạn người lao động bị điếc nghề nghiệp hàng năm.

Việc phòng chống ĐNN mặc dù đơn giản ít tốn kém, có nhiều hiệu quả, tuy nhiên cần phải có sự nỗ lực thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của người lao động và sử dụng lao động và có sự tham gia của y tế cơ sở nhằm ngăn ngừa tác hại của bệnh.

Theo báo cáo tổng kết hàng năm của Trung tâm Bảo vệ Sức khỏe Lao động Môi trường TP. HCM, tỷ lệ công nhân bị mắc bệnh nghề nghiệp ngày càng tăng và bệnh điếc nghề nghiệp chiếm hàng đầu. Năm 2006, số đơn vị không tổ chức khám bệnh nghề nghiệp chiếm 48,18%, số đơn vị không báo cáo hoạt động y tế cơ sở chiếm 73%, không có Hội Đồng Bảo Hộ lao động chiếm 26,28%, không có cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách chiếm 28%. Từ những số liệu trên cho thấy việc chấp hành công tác vệ sinh lao động chưa được các lãnh đạo trong công ty, xí nghiệp quan tâm đúng mức.

Với tầm quan trọng của công tác phòng chống điếc nghề nghiệp cho công nhân, chúng tôi đặt vấn đề nghiên cứu nghiên cứu kiến thức, thái độ, hành vi phòng chống tác hại của tiếng ồn và điếc nghề nghiệp ở công nhân một số nhà máy, xí nghiệp có tiếng ồn cao (> 85 dba) tại Tp. HCM.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng: công nhân đến khám tại Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường.

Phương pháp nghiên cứu:

Mẫu nghiên cứu: 2130 người lao động

Tiến hành nghiên cứu: tất cả được yêu cầu điền bảng câu hỏi soạn sẵn gồm những thông tin về bệnh điếc nghề nghiệp và phòng chống. Dữ kiện được phân tích bằng phần mềm Epi data 10.0. Các số thống kê mô tả gồm có tần số và tỉ lệ kiến thức, thái độ và hành vi về phòng chống điếc nghề nghiệp và các đặc tính dân số như tuổi, tuổi nghề, nghề nghiệp, giới tính, kiến thức về bảo hộ lao động, các phương tiện bảo hộ, ý thức chấp hành.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Trang bị kiến thức về vệ sinh lao động cho công nhân được nghiên cứu.

Học về vệ sinh lao động	Tần số (%)
Có	91 (3,61%)
không	2430 (96,39%)

Bảng 2. Đặc điểm về trang bị bảo hộ lao động chống tiếng ồn.

Trang bị bảo hộ lao động chống tiếng ồn	Tần số (%)
Có	583 (23,88%)
Không	1858 (76,12%)

Bảng 3. Đặc điểm về mức độ sử dụng bảo hộ lao động chống tiếng ồn.

Mức độ sử dụng bảo hộ lao động chống tiếng ồn	Tần số (%)
Thường xuyên	518 (23,97%)
Thỉnh thoảng	291 (13,47%)
Không bao giờ	1352 (62,56%)

Bảng 4. Đặc điểm sự hài lòng về môi trường lao động của công nhân.

Hài lòng về môi trường lao động	Tần số (%)
Có	275 (11,39%)
Không	2140 (76,12%)

Bảng 5. Đặc điểm về sự quan tâm của lãnh đạo về môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp.

Quan tâm của lãnh đạo về môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp	Tần số (%)
Có	107 (4,37%)
Không	2341 (95,63%)

Bảng 6. Đặc điểm sự lo sợ mắc bệnh điếc nghề nghiệp của công nhân.

Công nhân lo sợ bị mắc bệnh nghề nghiệp	Tần số (%)
Có	651 (26,31%)
Không	1823 (73,69%)

Bảng 7. Đặc điểm sự thích thay đổi môi trường làm việc công nhân trong nghiên cứu.

Thích thay đổi môi trường làm việc	Tần số (%)
Có	1881 (80,63%)
Không	452 (19,37%)

BÀN LUẬN

Mức độ ô nhiễm tiếng ồn và điếc nghề nghiệp vẫn còn có một tỷ lệ cao đáng kể trong người lao động tại

các nhà máy xí nghiệp tại TP. HCM. Là bệnh không có khả năng hồi phục và cho đến nay chưa có phương pháp nào điều trị có hiệu quả, nên việc phòng ngừa là chủ yếu. Kiến thức, thái độ, hành vi trong việc phòng chống ô nhiễm tiếng ồn và điếc nghề nghiệp có vai trò rất lớn trong việc bảo tồn sức nghe cho người lao động.

Người lao động học về vệ sinh lao động trong đó được hướng dẫn về cách phòng chống ô nhiễm tiếng ồn và điếc nghề nghiệp, khi được trang bị kiến thức như vậy, người lao động sẽ biết cách tự mình phát hiện được những khả năng gây bệnh điếc do ồn từ đó có thể ý thức được việc phòng chống bằng các cách mang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp. Với tỷ lệ người lao động được học về vệ sinh lao động rất thấp (3,61%), như vậy họ không được trang bị đầy đủ các kiến thức về ô nhiễm tiếng ồn và điếc nghề nghiệp, do đó họ sẽ không thấy được hết các tác hại của tiếng ồn gây nên lên cơ thể và sau cùng là tổn thương tai trong không hồi phục, từ đó có những hành vi thích ứng để phòng ngừa.

Mặc dù đối tượng nghiên cứu là người lao động làm việc trong môi trường tiếng ồn cao vượt mức cho phép nhưng tỷ lệ số lượng người được trang bị bảo hộ lao động phòng chống tiếng ồn và điếc nghề nghiệp còn rất thấp (23,88%). Việc thiếu cung cấp trang bị bảo hộ phòng chống tiếng ồn sẽ đưa đến một tỷ lệ cao điếc nghề nghiệp trong người lao động làm việc trong môi trường tiếng ồn cao vượt mức cho phép.

Tỷ lệ người lao động sử dụng trang bị bảo hộ vẫn còn thấp với mức độ thường xuyên là 23,97%, thỉnh thoảng 13,47%; Như vậy, mặc dù phương tiện bảo hộ lao động phòng chống tiếng ồn được cung cấp rất ít nhưng người lao động vẫn không có ý thức cao khi được trang bị để sử dụng nó.

Làm việc trong môi trường có mức độ tiếng ồn cao vượt mức cho phép, người lao động sẽ bị ảnh hưởng lên một số cơ quan trong cơ thể như: mệt mỏi, ù tai, chóng mặt, cao huyết áp và gây nên giảm thính lực vì thế người lao động cảm thấy không hài lòng trong môi trường làm việc chiếm tỷ lệ khá cao 88,61%.

Cũng theo người lao động, họ cảm thấy ít được sự quan tâm của ban Lãnh đạo nhằm cải thiện về môi trường lao động có tiếng ồn vượt mức chiếm con số với tỷ lệ rất cao là 95,63%.

Chính vì không được sự quan tâm đúng mức của các cấp liên quan, bản thân không được học về vệ sinh lao động nhằm trang bị các kiến thức về tác hại của tiếng ồn nên phần lớn người lao động vì không biết nên không sợ mắc bệnh điếc nghề nghiệp chiếm tỷ lệ cao là 73,69%.

Mặc dù chiếm tỷ lệ cao số người lao động không sợ mắc bệnh điếc nghề nghiệp nhưng vì nhiều các tác dụng khác lên cơ thể như đã trình bày ở trên như ù tai, chóng mặt, cao huyết áp nên khá nhiều người lao động thích thay đổi môi trường làm việc chiếm tỷ lệ là 80,63%.

KẾT LUẬN

- Xuất phát từ việc chưa nhận thức được đầy đủ tác hại của tiếng ồn quá mức gây ra, cho nên việc phòng chống điếc nghề nghiệp từ người lao động đến người lao động chưa thật sự đúng mức.

- Chưa được trang bị kiến thức đầy đủ dẫn đến thái độ, hành vi rất chủ quan.

- Không thấy được tác hại thật sự của điếc nghề nghiệp do tiếng ồn gây trở ngại lớn đến chương trình bảo tồn sức nghe.

Kiến nghị: cần có sự quan tâm hơn nữa, có chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phòng ngừa bệnh điếc nghề nghiệp nhằm trang bị kiến thức đưa đến thay đổi thái độ, hành vi của người lao động cũng như người sử dụng lao động làm việc trong các cơ quan, xí nghiệp có tiếng ồn vượt mức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chẩn đoán bệnh điếc nghề nghiệp. Bộ Y Tế, Viện Y Học Lao Động và Vệ Sinh Môi Trường. tr2-40.

2. Nguyễn Văn Đức. Bài giảng giải phẫu tai xương chũm, chương trình chuyên khoa cấp I Tai Mũi Họng Trường Đại Học Y Dược Y Tp. Hồ Chí Minh, 2 nhà xuất bản Y Học Tp Hồ Chí Minh 1991, tr 74-76.

3. Hai mươi mốt Bệnh nghề nghiệp được bảo

hiểm. Bộ Y Tế, Viện Y Học Lao Động và Vệ Sinh Môi Trường, tr124-142.

4. Phạm Khánh Hòa “Phòng chống điếc và nghễnh ngãng” Nội San Tai Mũi Họng số chuyên đề. Tổng Hội Y- Dược Việt Nam, Hội Tai Mũi Họng Việt Nam, Hà Nội, tháng 5, 1995, tr-48.

5. Đặng Xuân Hùng “Khảo sát điếc nghề nghiệp ở công nhân một số nhà máy dệt tại TPHCM nghiên cứu sản xuất nút tai chống ồn bảo vệ sức nghe cho công nhân “Luận án Tiến sỹ Y học năm 2000. tr34-36, tr110-113, tr126-129.

6. Ngô Ngọc Liên. Thính học ứng dụng. Nhà xuất bản y học, 2001

7. Lê Trung “Phòng chống điếc và nghễnh ngãng”. Nội San Tai Mũi Họng số chuyên đề Tổng Hội Y- Dược Học Việt Nam, Hội Tai Mũi Họng Việt Nam, nhà Xuất bản Y Học Hà Nội, tháng 5, 1995, tr68.

8. Joseph Attias: “Detection and Clinical Diagnosis of Noise-Induced Hearing Loss by Otoacoustic Emissions”, Noise and Health, British Library, 2001, 19-31.

9. Meyerhoff W L: “When a protector suddenly goes deaf” Med Times, 108, 1980, 25-33.

10. Sataloff R T: “The 4000Hz audiometric dip”, Ear Nose Throat J, 59, 1980, 24-32.